

Bản án số: 688/2024/DS-PT

Ngày : 06/8/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Muôn

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Thanh Vân
2. Ông Phan Báu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đoàn Thục Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 473/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3422/2024/QĐPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10264/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: A T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Hoàng Thị Mai H, sinh năm: 1977 (Có mặt);
- Ông Lê Quốc T, sinh năm: 1984 (Có mặt);

Địa chỉ liên hệ: G H, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền lại số: 36/UQ-CNTPHCM-TH ngày 05 tháng 7 năm 2024).

2 Bị đơn:

- Ông Trần Minh S, sinh năm: 1954 (Vắng mặt);

- Bà Ngô Thị B, sinh năm: 1957 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 2 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Võ Thiên Lý K, sinh năm: 1999 (Có mặt);

Và/hoặc

- Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm: 2001 (Vắng mặt);

Địa chỉ liên hệ: 203/6/1 H, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền số Công chứng: 005587 ngày 30/10/2023 và Hợp đồng ủy quyền lại lập ngày 01/11/2023).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH Một thành viên L

Địa chỉ trụ sở công ty: 2 B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 567, tờ bản đồ 45, Khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Hoàng N – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2023, các lời trình bày cùng chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/5/2022, Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thành phố H (gọi tắt là Ngân hàng C) và ông Trần Minh S (gọi tắt là ông S), bà Ngô Thị B (gọi tắt là bà B) ký kết Hợp đồng cho vay số: 22.025076/2022-HĐCV/NHCT900. Theo đó, Ngân hàng C cho ông S và bà B vay số tiền là 5.000.000.000 đồng để ứng vốn chi phí nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: 4 N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ đời sống. Thời hạn giải ngân: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/7/2022. Thời hạn cho vay: 15 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Ngày 01/6/2022, Ngân hàng C đã giải ngân cho ông S và bà B số tiền 5.000.000.000 đồng (Giấy nhận nợ số 01). Để bảo đảm cho khoản vay, ông S và bà B đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 567, Tờ bản đồ 45, Khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BE 622462; Số vào sổ cấp GCN: CH 00717 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2011, theo Hợp đồng thế chấp tài

sản số: 22.025076/2022/HĐBĐ/NHCT900 ngày 31/5/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm số 000736. TC.003 ngày 31/5/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S và bà B đã thanh toán nợ gốc: 300.000.000 đồng và tiền lãi: 201.106.064 đồng rồi ngưng. Vào các ngày 29/12/2022 và ngày 18/01/2023, Ngân hàng C – Chi nhánh Thành phố H có Thông báo số 115/CNTPHCM-NTMK và số 319/CNTPHCM-NTMK về việc chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn nhưng ông S và bà B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2024), ông S và bà B còn nợ Ngân hàng C tổng số tiền 5.832.442.586 đồng, gồm: Nợ gốc 4.700.000.000 đồng, lãi quá hạn: 800.482.591 đồng và lãi phạt: 331.959.995 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên. Tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Trường hợp ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn - ông Trần Minh S, bà Ngô Thị B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, không có văn nêu ý kiến của đối với đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/4/2024, ông Võ Thiên Lý K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các lý do: bị đơn chưa nhận đầy đủ hồ sơ khởi kiện do nguyên đơn cung cấp, số tiền nợ gốc bị đơn đã trả hơn 300.000.000 đồng và không rõ cách tính lãi của Ngân hàng nên bị đơn không đồng ý với số nợ lãi mà nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, do Tòa án chưa tiến hành thủ tục định giá tài sản nên bị đơn không đồng ý yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH Một thành viên L (gọi tắt là Công ty L) do ông Nguyễn Hoàng N là người đại diện theo pháp luật vắng mặt nhưng có bản tự khai ngày 24/10/2023 trình bày:

Công ty không biết việc căn nhà đang thuê mở chi nhánh được thế chấp vay ngân hàng. Mục đích thuê sử dụng của công ty là dài hạn, mỗi lần ký hợp đồng là 03 năm, công ty có đầu tư cơ sở vật chất ban đầu và chi phí sửa chữa cơ bản khoảng 100.000.000 đồng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Việc sản xuất của Công ty

cần duy trì liên tục, hiện nay chỉ mới giai đoạn đầu của hợp đồng, Công ty vẫn chưa thu hồi vốn đầu tư, công nhân viên cũng phải di dời chỗ ở theo. Nếu buộc phải di dời do phát mãi tài sản, công ty yêu cầu tạo điều kiện cho hoạt động bình thường tại địa chỉ mới, cụ thể: hoàn lại tiền cọc nhà, chi phí vận chuyển toàn bộ thiết bị đến địa điểm mới, chi phí thành lập chi nhánh phải trả cho dịch vụ, chi phí hoàn thiện văn phòng, chi phí xây dựng cơ bản khác. Thời gian di dời theo hợp đồng thuê nhà là 03 tháng trở lên, công ty sẽ không tháo dỡ cơ sở vật chất cũ mà cần mua mới. Công ty xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp có phát mãi tài sản thì công ty sẽ tự giải quyết riêng với vợ chồng ông S, bà B. Đồng thời, đề nghị xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C:

1.1. Buộc ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền là 5.832.442.586 (Năm tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi sáu) đồng, gồm: Nợ gốc 4.700.000.000 (Bốn tỷ bảy trăm triệu) đồng, nợ lãi 800.482.591 (Tám trăm triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi một) đồng và lãi phạt 331.959.995 (Ba trăm ba mươi một triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi lăm) đồng để chấm dứt quyền và nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 22.025076/2022-HĐCV/NHCT900 ngày 31/5/2022, giữa Ngân hàng TMCP C và ông Trần Minh S, bà Ngô Thị B. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày 26/4/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 22.025076/2022-HĐCV/NHCT900 ngày 31/5/2022 đã ký.

1.3. Trường hợp ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP C có trách nhiệm giải chấp tài sản bảo đảm và trả lại cho ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BE 622462, số vào sổ cấp GCN: CH 00717 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2011 cho ông Trần Minh S, bà Ngô Thị B và các giấy tờ liên quan.

1.4. Trường hợp ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu

Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 567, tờ bản đồ số 45, Khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BE 622462, số vào sổ cấp GCN: CH 00717 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2011 cho ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B để thu hồi nợ.

1.5. Trường hợp phát mãi tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV L có nghĩa vụ bàn giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

1.6. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B1 với Ngân hàng TMCP C thì ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B có trách nhiệm tiếp tục trả cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp sau khi phát mãi mà giá trị tài sản phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B với N1 TMCP C thì Ngân hàng phải hoàn trả phần giá trị còn lại cho ông Trần Minh S

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/5/2024, ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn có người đại diện hợp pháp không rút đơn khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

- Bị đơn vắng mặt không rút yêu cầu kháng cáo, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: bị đơn chưa nhận đầy đủ hồ sơ khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và phía ngân hàng tính lãi 13%/năm là quá cao so với Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N2 (8,0%/năm). Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH MTV L do ông Nguyễn Hoàng N là người đại diện theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/8/2024 và trình bày: Hiện nay, Chi nhánh công ty không còn hoạt động tại địa chỉ thuê, đã thanh lý hợp đồng và trả lại nhà trống cho ông Trần Minh S vào

ngày 30/6/2024 nên mặc nhiên không còn liên quan gì trong vụ án dân sự nói trên. Đồng thời, đề nghị được vắng mặt.

- Các đương sự tại phiên tòa không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự trong vụ án chấp hành quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Minh S và Ngô Thị B làm trong hạn, hợp lệ được chấp nhận.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về án phí: Ông Trần Minh S và Ngô Thị B có đơn đề nghị miễn đóng tiền tạm ứng án phí, án phí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, miễn án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Ngày 31/5/2022, Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Thành phố H và ông Trần Minh S, bà Ngô Thị B ký Hợp đồng cho vay số 22.025076/2022-HĐCV/NHCT900. Tại Điều 1 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn:... Hợp đồng vay tài sản hướng dẫn trong Nghị quyết này bao gồm hợp đồng cho vay tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với khách hàng (sau đây gọi là hợp đồng tín dụng) và hợp đồng vay tài sản là tiền giữa cá nhân, pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng với nhau (sau đây gọi là hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng). Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là chưa đầy đủ nên cần sửa lại cho đúng.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông S và bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng TMCP C khởi kiện. Đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo bản án nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH MTV L có ông Nguyễn Hoàng N là người đại diện theo pháp luật có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty L.

[2] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xác nhận của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định: Ngày 31/5/2022, ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B ký Hợp đồng số 22.025076/2022-HĐC V/NHCT900 vay của Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Thành phố H số tiền 5.000.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 4 N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ đời sống, thời hạn cho vay 15 tháng. Ngày 01/6/2022, ngân hàng đã giải ngân cho ông S và bà B số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng theo Giấy nhận nợ số 01. Đại diện nguyên đơn xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 201.106.064 đồng. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2024), bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 5.832.442.586 đồng, gồm: nợ gốc 4.700.000.000 đồng, lãi quá hạn 800.482.591 đồng và lãi phạt 331.959.995 đồng. Đại diện bị đơn không có ý kiến gì về số nợ gốc và tiền lãi mà nguyên đơn khởi kiện cũng như không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả vốn và lãi. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn cho rằng nguyên đơn (Ngân hàng) tính lãi 13%/năm là quá cao và bị đơn chưa nhận đầy đủ hồ sơ khởi kiện do nguyên đơn cung cấp từ đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở, bởi: Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng theo quy

định của pháp luật, còn Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N2 quy định lãi suất cơ bản.

Về thời gian trả nợ: Xét, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 22.025076/2022-HĐC V/NHCT900 ngày 31/5/2022, thời hạn vay 15 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên (01/6/2022), đến nay quá hạn đã lâu, ông S và bà B vẫn chưa trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi làm một lần.

[2.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của nguyên đơn xét thấy: Ngày 31/5/2022, ông S và bà B ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 22.025076/2022/HĐBĐ/NHCT900 với Ngân hàng C trên cơ sở tự nguyện và thực hiện theo đúng quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với Công ty TNHH MTV L do ông Nguyễn Hoàng N là người đại diện theo pháp luật xác nhận công ty không còn hoạt động tại địa chỉ thuê, đã thanh lý hợp đồng và trả lại nhà trống cho ông Trần Minh S vào ngày 30/6/2024 nên ghi nhận. Trường hợp phát mãi tài sản mà Công ty TNHH MTV L chưa thanh lý hợp đồng thuê và trả mặt bằng cho ông S và bà B phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Sau khi ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B trả hết nợ thì Ngân hàng C phải thực hiện giải chấp tài sản bảo đảm trả lại cho ông S, bà B bản chính và các giấy tờ liên quan theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22.025076/2022/HĐBĐ/NHCT900 ngày 31/5/2022.

[2.4] Về chi tố tụng: Xét quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ngân hàng TMCP C đã tạm ứng nộp trước số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng để xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự:

- Xét ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B là người cao tuổi nhưng không có đơn đề nghị miễn, giảm án phí nên cấp sơ thẩm buộc phải chịu án phí sơ thẩm là 113.832.443 (Một trăm mười ba triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi ba) đồng có cơ sở. Tuy nhiên, sau đó ông S và bà B có đơn kháng cáo bản án và đồng thời có đơn đề nghị miễn án phí, cấp sơ thẩm đã có thông báo miễn nộp

tiền tạm ứng án phí phúc cho bị đơn. Do đó, căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi và các Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cấp phúc thẩm sửa phần này của bản án sơ thẩm, miễn án phí sơ thẩm cho ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B. Cấp sơ thẩm không có lỗi.

- H1 lại cho Ngân hàng TMCP C tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn Điều 2 Luật Người cao tuổi;

- Căn cứ Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP C: Buộc ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền là 5.832.442.586 (Năm tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm tám mươi sáu) đồng, gồm: nợ gốc 4.700.000.000 (Bốn tỷ, bảy trăm triệu) đồng, nợ lãi 800.482.591 (Tám trăm triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi một) đồng; lãi phạt 331.959.995 (Ba trăm ba mươi một triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng để chấm dứt quyền và nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 22.025076/2022-HĐCV/NHCT900 ngày 31/5/2022 ,giữa Ngân hàng TMCP C và ông Trần Minh S, bà Ngô Thị B. Trả toàn bộ số tiền nêu trên làm một lần.

Kể từ ngày 26/4/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 22.025076/2022-HĐCV/NHCT900 ngày 31/5/2022.

- Trường hợp ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP C có trách nhiệm giải chấp tài sản bảo đảm và trả lại cho ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BE 622462; Sổ vào sổ cấp GCN: CH 00717 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2011 cho ông Trần Minh S, bà Ngô Thị B và các giấy tờ liên quan theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 22.025076/2022/HĐBĐ/NHCT900 ngày 31/5/2022.

- Trường hợp ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 567, tờ bản đồ số 45, Khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BE 622462; Sổ vào sổ cấp GCN: CH 00717 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2011 cho ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B để thu hồi nợ.

- Trường hợp phát mãi tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV L nếu còn tiếp tục thuê của ông S và bà B thì phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp sau khi phát mãi tài sản mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B với Ngân hàng TMCP C thì ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B có trách nhiệm tiếp tục trả cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp sau khi phát mãi mà giá trị tài sản phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B với N1 TMCP C thì Ngân hàng phải hoàn trả phần giá trị còn lại cho ông Trần Minh S.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

4. Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh S và bà Ngô Thị B được miễn.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP C số tiền 56.468.194 (Năm mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm chín mươi bốn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023062 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Muôn